`

TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2026/HS-ST
Ngày 04-9-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Kim Thêu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Phương;

2. Bà Lương Thuỳ Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Choi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 54/2026/TLST-HS ngày 05 tháng 8 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2026/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 8 năm 2026; Quyết định hoãn phiên toà số 14/2026/HSST-QĐ ngày 25 tháng 8 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn P (tên gọi khác: Không có); sinh ngày: 15/12/1988 tại tỉnh Phú Thọ; số CCCD: 026088005***, ngày cấp: 24/9/2024, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ C; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn P, xã L, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Nguyễn Văn N, sinh năm: 1960; con bà: Nguyễn Thị A, sinh năm: 1960; vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1993; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án: 01 tiền án, tại Bản án số 82/2021 HS-ST ngày 30/12/2021 của Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xử phạt 03 năm 03 tháng tù về tội Buôn lậu, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/8/2024 nhưng chưa được xoá án tích; tiền sự: Không có; nhân thân: Tại Bản án số 187/2020/HS-ST ngày 27/08/2020 của Toà án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 tháng về tội Đánh bạc, đã được xóa án tích. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/5/2026 đến ngày 08/6/2026 thay đổi biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh đến nay. Có mặt.

2. Nguyễn Văn L (tên gọi khác: Không có); sinh ngày: 26/10/1989 tại tỉnh Phú Thọ; số CCCD: 026089014***, ngày cấp: 12/8/2021, nơi cấp: Bộ C; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn P, xã L, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Nguyễn Văn V, sinh năm: 1959; con bà: Nguyễn Thị T1, sinh năm 1961; vợ: Phạm Thị Trần V1, sinh năm 1987; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/5/2026 đến ngày 08/6/2026 thay đổi biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh đến nay. Có mặt.

3. Nguyễn Bá T2 (tên gọi khác: Không có); sinh ngày: 01/01/1998 tại tỉnh Phú Thọ; số CCCD: 026098003***, ngày cấp: 18/12/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ C; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn P, xã L, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Nguyễn Bá H, sinh năm: 1977; con bà: Vũ Thị H1, sinh năm: 1977; vợ: Đỗ Thị T3, sinh năm 1998; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2020, con nhỏ sinh năm 2026; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/5/2026 đến ngày 08/6/2026 thay đổi biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh đến nay. Có mặt.

4. Vi Văn T4 (tên gọi khác: Không có); sinh ngày: 06/3/1986 tại tỉnh Lạng Sơn; số CCCD: 020086009***, ngày cấp: 05/3/2026; nơi cấp: Cục C1, Bộ C; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn C, xã M, tỉnh Lạng Sơn.; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Vi Văn N1 (đã chết); con bà: Nông Thị N2, sinh năm 1950; vợ con: Không có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/5/2026 đến ngày 08/6/2026 thay đổi biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh đến nay. Có mặt.

5. Lý Văn T5 (tên gọi khác: Không có); sinh ngày:15/01/1994 tại tỉnh Lạng Sơn; số CCCD: 020094001***, ngày cấp: 25/4/2021; nơi cấp: Cục C1, Bộ C; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn C, xã M, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Lý Văn P1 (đã chết); con bà: Đinh Thị V2, sinh năm 1973; vợ: Vy Thúy K, sinh năm 1994; con: Có 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Công an huyện L ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 00024 ngày 09/01/2013 về hành vi vận chuyển hàng hóa Trung Quốc nhập lậu, phạt tiền 750.000đ, đã chấp hành xong và được xóa tiền sự. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/5/2026 đến ngày 08/6/2026 thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lĩnh đến nay. Có mặt.

6. Nông Văn Đ (tên gọi khác: Không có); sinh ngày: 25/6/1981 tại tỉnh Lạng Sơn; số CCCD: 020081004***, ngày cấp 28/9/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ C; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn

L, xã M, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Nông Văn H2 (đã chết), con bà: Hoàng Thị D, sinh năm: 1952; vợ: Trịnh Thị T6, sinh năm 1977; con: Có 01 con sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Đội Quản lý thị trường số A1 (Lạng Sơn) ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính ngày 10/12/2013 về hành vi vận chuyển gia cầm nhập lậu, phạt tiền 400.000đ, đã chấp hành xong và được xóa tiền sự. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/5/2026 đến ngày 08/6/2026 thay đổi biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh đến nay. Có mặt.

7. Phạm Trung K1 (tên gọi khác: Không có); sinh ngày: 28/8/1988 tại tỉnh Phú Thọ; số CCCD: 026088012***, ngày cấp 12/8/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ C; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: thôn P, xã L, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Phạm Công D1 (đã chết); con bà: Văn Thị T7, sinh năm: 1959; vợ: Đường Thị H3, sinh năm 1985; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/5/2026 đến ngày 08/6/2026 thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lĩnh đến nay. Có mặt.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Đinh Thị V2, sinh năm 1973; nơi cư trú: Thôn C, xã M, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

** Người làm chứng*

- Chị Hoàng Thị T8, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn C, xã M, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt;

- Anh Hoàng Văn T9, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn P, xã L, tỉnh Phú Thọ, vắng mặt;

- Ông Vi Văn N3, sinh năm 1957; nơi cư trú: Thôn C, xã M, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn P (sinh năm: 1988), Nguyễn Văn L (sinh năm: 1989) Nguyễn Bá T2 (sinh năm: 1998), Phạm Trung K1 (sinh năm 1988) cùng thường trú tại thôn P, xã L, tỉnh Phú Thọ) và Vi Văn T4 (sinh năm: 1986, thường trú thôn C, xã M, tỉnh Lạng Sơn), Lý Văn T5 (sinh năm: 1994, thường trú thôn C, xã M, tỉnh Lạng Sơn), Nông Văn Đ (sinh năm: 1981, thường trú thôn L, xã M, tỉnh Lạng Sơn) là lao động tự do tại khu vực Cửa Khẩu C. Khoảng 23 giờ ngày 11/5/2026, Nguyễn Văn P nhắn tin cho Phạm Trung K1 và gọi điện thoại cho Nguyễn Văn L đến phòng trọ của P tại thôn C, xã M, tỉnh Lạng Sơn để đánh bạc. Lúc này Nguyễn Văn L đang ngồi uống nước cùng Nông Văn Đ, Lý Văn T5, Nguyễn Bá T2 và Vi

Văn T4 nên L rủ Đ, T5, T2 và T4 đi đánh bạc, 04 (bốn) người này đồng ý và cùng đến phòng trọ của P. Khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, tại phòng trọ của P, 07 (bảy) người gồm Nguyễn Văn P, Phạm Trung K1, Nguyễn Văn L, Nông Văn Đ, Lý Văn T5, Nguyễn Bá T2, Vi Văn T4 đi vào gian phía trong của nhà trọ, tại đây đã có sẵn 01 (một) chiếu nhựa màu xanh có hoa văn màu vàng của Nguyễn Văn P và 01 (một) bộ bài tú lơ khơ. Cả nhóm cùng nhau ngồi xuống chiếu theo vòng tròn và thống nhất đánh bạc theo hình thức sử dụng bài tú lơ khơ chơi "Liêng". Hình thức chơi như sau: Khi ván bài bắt đầu, người chơi sẽ đặt cược 50.000 đồng là tiền "gà". Sau đó, người cầm cái chia 03 quân bài cho mỗi người tham gia. Sau khi xem bài, người chơi thấy bài của mình có khả năng thắng cao thì có thể đặt cược thêm, số tiền đặt cược thêm gọi là "Tố", số tiền tố không quá 500.000 đồng; nếu thấy bài của mình không có khả năng thắng thì úp bỏ. Cách thức tính điểm theo thứ tự từ lớn đến bé như sau: Sáp, L1, Ảnh, Đ1. Sáp là bộ C2 quân bài giống nhau, sáp lớn nhất là ba quân A, sáp nhỏ nhất là 3 quân 2. Liêng là 3 quân bài liên tiếp nhau, liêng cao nhất là Q, K, A và thấp nhất là A, 2, 3. Ảnh là 3 quân bài đều là J, Q, K nhưng không liên tiếp nhau và không giống nhau. Điểm là tổng điểm 3 quân bài, cao nhất là 9 điểm, nhỏ nhất là 0 điểm, điểm của các quân bài được tính như sau: Các quân A, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 được tính với số điểm tương ứng 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, quân A được tính 1 điểm, các quân 10, J, Q, K đều được tính 0 điểm. Nếu cùng dạng thì so sánh chất theo thứ tự là rô, cơ, nhép, bích. Người thắng trong ván bài là người có điểm cao nhất, được nhận toàn bộ số tiền cược của những người chơi còn lại đã cược và được cầm cái ván tiếp theo. Quá trình đánh bạc các bị can không phải nộp tiền hồ cho ai.

Đến 02 giờ 20 phút ngày 12/05/2026, khi các bị cáo đang đánh bạc thì bị tổ công tác Đồn Biên phòng cửa khẩu C3 phối hợp với Công an xã M, tỉnh Lạng Sơn bắt quả tang, lập biên bản đối với 06 (sáu) bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn P, Nguyễn Bá T2, Vi Văn T4, Lý Văn T5 và Nông Văn Đ, còn Phạm Trung K1 bỏ chạy, lực lượng chức năng đã thu giữ vật chứng và số tiền như sau:

- 01 (một) chiếu nhựa, 01 (một) bộ bài tú lơ khơ, 06 (sáu) điện thoại di động.

- Thu giữ trên chiếu bạc số tiền: 9.010.000đ (chín triệu không trăm mười nghìn đồng).

- Thu giữ trên người các bị cáo Nguyễn Văn P 1.010.000đ (một triệu không trăm mười nghìn đồng), trong đó 10.000đ (mười nghìn đồng) là tiền đánh bạc; còn 1.000.000đ (một triệu đồng) là tiền cá nhân của bị can không liên quan đến việc đánh bạc; bị cáo Nguyễn Văn L 7.630.000đ (bảy triệu sáu trăm ba mười nghìn đồng) là tiền cá nhân không liên quan đến việc đánh bạc; bị cáo Nguyễn Bá T2: 1.000.000đ (một triệu đồng) mục đích để đánh bạc; bị cáo Lý Văn T5: 3.290.000đ (ba triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng) không dùng để đánh bạc.

Đến ngày 13/5/2026, bị cáo Phạm Trung K1 đến Công an xã M đầu thú về hành vi đánh bạc, khai nhận quá trình bỏ chạy cầm theo 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) là số tiền đánh bạc, và trong tài khoản có 6.700.000đ (sáu triệu bảy trăm nghìn đồng) là tiền các bị cáo nhờ chuyển vào tài khoản của Phạm Trung K1 đổi

lấy tiền mặt để đánh bạc, trong đó Lý Văn T5 đổi 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng), Nguyễn Bá T2 đổi 2.000.000đ (hai triệu đồng) và Nông Văn Đ đổi 4.000.000đ (bốn triệu đồng), số tiền mặt Phạm Trung K1 đổi cho các đối tượng là tiền thắng bạc mà Phạm Trung K1 vừa tham gia đánh bạc với các đối tượng trên mà có.

Như vậy, tổng số tiền đánh bạc của các bị cáo là 16.920.000đ (mười sáu triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng), gồm tiền trên chiếu bạc 9.010.000đ (chín triệu không trăm mười nghìn đồng); số tiền 10.000đ (mười nghìn đồng) của Nguyễn Văn P 1.000.000đ (một triệu đồng) của Nguyễn Bá T2, 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền mặt và 6.700.000đ (sáu triệu bảy trăm nghìn đồng) trong tài khoản của Phạm Trung K1 sử dụng vào mục đích đánh bạc

Tại bản Cáo trạng số 28/CT-VKSKV5 ngày 05/8/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn truy tố các bị cáo Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn L, Phạm Trung K1, Vi Văn T4, Lý Văn T5, Nông Văn Đ, Nguyễn Bá T2 về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn trình bày lời luận tội giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn L, Phạm Trung K1, Vi Văn T4, Lý Văn T5, Nông Văn Đ, Nguyễn Bá T2 phạm tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P từ 12 đến 14 tháng tù;

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17, Điều 50, Điều 65, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn L, Vi Văn T4, Lý Văn T5, Nông Văn Đ, Nguyễn Bá T2; áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17, Điều 50, Điều 65, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Trung K1; đề nghị xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn L, Nông Văn Đ, Phạm Trung K1 từ 10 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định; xử phạt các bị cáo Lý Văn T5, Nguyễn Bá T2 từ 08 tháng đến 10 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định; xử phạt bị cáo Vi Văn T4 từ 06 tháng đến 08 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định.

Hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự phạt bổ sung mỗi bị cáo 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước số tiền xác định là tiền dùng vào việc đánh bạc:

16.920.000 đồng (mười sáu triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng) bao gồm tiền trên chiếu bạc 9.010.000đ (chín triệu không trăm mười nghìn đồng); số tiền 10.000đ (mười nghìn đồng) của Nguyễn Văn P; số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) của Nguyễn Bá T2; 6.900.000 đồng của Phạm Trung K1.

Tịch thu hoá giá sung Ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro màu xám đen, số IMEI: 356681114955070, IMEI2: 356681115103241 có gắn 01 (một) thẻ sim vinaphone số: 0858.080.555, máy cũ đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Nguyễn Bá T2; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung Galaxy Buddy2 màu đen, số IMEI1:350501451439502/01, có gắn 01 (một) thẻ sim Viettel số: 0963.338.908 thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn L; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO RENO 15 F5G màu xanh nhật, số IMEI1: 863766080705892, IMEI2: 863766080705884 có gắn 02 (hai) thẻ sim viettel số: 0382.167.331 và số: 0374.453.247, máy cũ đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Lý Văn T5; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme UI màu xanh dương, số IMEI1: 860933070565834/83, IMEI2: 860933070565826/83 có gắn 01 (một) thẻ sim viettel số: 0366.650.886, máy cũ đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn P; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh tím, số IMEI1: 862251056187913, IMEI2: 862251056187905 có gắn 02 (hai) thẻ sim V3 số: 0963.515.861 và số: 0865.437.280, máy cũ đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Nông Văn Đ.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chiếu nhựa màu xanh có hoa văn màu vàng, chiếu đã qua sử dụng có kích thước chiều rộng 1,6m, chiều dài 2m; 01 (một) bộ bài tú lơ khơ bao gồm 52 (năm mươi hai) quân bài màu xanh có hoa văn màu vàng, bộ bài đã qua sử dụng là công cụ dùng trực tiếp vào việc phạm tội và không còn giá trị sử dụng.

Đối với số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) của bị cáo Nguyễn Văn P; 7.630.000đ (bẩy triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng) của bị cáo Nguyễn Văn L; 3.290.000đ (ba triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng) của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị V2 do không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho các bị cáo và bà Đinh Thị V2. Trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 14 màu xanh lá, số IMEII: 864129079286227/06, IMEI2: 864129079286235/06 có gắn thẻ sim Viettel số: 0965.390.032, máy cũ đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Vi Văn T4 do không liên quan đến hành vi phạm tội.

Về án phí và quyền kháng cáo: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nhất trí với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn và không có ý kiến tranh luận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị V2 có mặt; những người làm chứng chị Hoàng Thị T8, anh Hoàng Văn T9, ông Vi Văn N3 vắng mặt tại phiên tòa. Trong quá trình điều tra chị Hoàng Thị T8, anh Hoàng Văn T9, ông Vi Văn N3 đã có lời khai tại cơ quan điều tra.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo nhận thấy việc làm của mình đã vi phạm pháp luật, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, để các bị cáo được hưởng khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt những người làm chứng chị Hoàng Thị T8, anh Hoàng Văn T9 và ông Vi Văn N3. Xét thấy những người vắng mặt đã có lời khai tại cơ quan điều tra, việc vắng mặt không ảnh hưởng đến nội dung vụ án và quá trình xét xử. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về trình tự, thẩm quyền quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn L, Phạm Trung K1, Vi Văn T4, Lý Văn T5, Nông Văn Đ, Nguyễn Bá T2: Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra; biên bản sự việc và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa có đủ căn cứ xác định: Khoảng 23 giờ ngày 11/5/2026, bị cáo Nguyễn Văn P nhắn tin cho bị cáo Phạm Trung K1 và gọi điện thoại cho bị cáo Nguyễn Văn L đến phòng trọ của mình tại thôn C, xã M, tỉnh Lạng Sơn để đánh bạc. Lúc này bị cáo Nguyễn Văn L đang ngồi uống nước cùng các bị cáo Nông Văn Đ, Lý Văn T5, Nguyễn Bá T2 và Vi Văn T4 nên bị cáo Nguyễn Văn L rủ các bị cáo Nông Văn Đ, Lý Văn T5, Nguyễn Bá T2 và Vi Văn T4 cùng đến phòng trọ của bị cáo Nguyễn Văn P để đánh bạc. Khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, tại phòng trọ của bị cáo Nguyễn Văn P, 07 (bảy) người gồm các bị cáo Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn L, Phạm Trung K1, Nông Văn Đ, Lý Văn T5, Nguyễn Bá T2 và Vi Văn T4 cùng nhau ngồi xuống chiếu theo vòng tròn và thống nhất đánh bạc theo hình thức sử dụng bài tú lơ khơ chơi "Liêng". Đến 02 giờ 20 phút ngày 12/05/2026, tại thôn C, xã M, tỉnh Lạng Sơn, cả nhóm bị Công an xã M, tỉnh Lạng Sơn phát hiện bắt quả tang về hành vi đánh bạc. Quá trình điều tra xác định tổng số tiền đánh bạc của các bị can là 16.920.000đ (mười sáu triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng). Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn L, Nguyễn Bá T2, Vi Văn T4, Lý Văn T5, Nông Văn Đ và Phạm Trung K1 về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của các bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến an ninh trật tự công cộng, trật tự quản lý Nhà nước trong lĩnh vực phòng chống tội

phạm. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức đánh L1 là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ vụ lợi vẫn cố ý cùng nhau thực hiện. Do đó cần áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Xét vai trò của các bị cáo thấy rằng các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm, tuy nhiên chỉ là đồng phạm giản đơn, không có sự cấu kết chặt chẽ, phân công nhiệm vụ cụ thể giữa các bị cáo đồng phạm. Khi quyết định hình phạt cần xem xét vai trò, tính chất tham gia của từng bị cáo. Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Văn P là người giữ vai trò chính, bị cáo là người khởi xướng việc đánh bạc; bị cáo nhắn tin cho Phạm Trung K1 và gọi điện thoại cho Nguyễn Văn L đến phòng trọ của mình để đánh bạc nên bị cáo Nguyễn Văn P phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò cao nhất trong nhóm đồng phạm.

[6] Các bị cáo Nguyễn Văn L, Nông Văn Đ, Phạm Trung K1 có vai trò là người thực hành tích cực, trong đó bị cáo Nguyễn Văn L là người rủ các bị cáo Nông Văn Đ, Lý Văn T5, Nguyễn Bá T2, Vi Văn T4 cùng đến phòng trọ của Nguyễn Văn P để đánh bạc, sử dụng số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) để tham gia đánh bạc cùng các bị cáo khác; bị cáo Nông Văn Đ tham gia đánh bạc với số tiền lớn nhất, lúc đầu tham gia đánh bạc với số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng) mang theo, khi thua hết bị cáo đã chuyển qua tài khoản của bị cáo Phạm Trung K1 đổi lấy tiền mặt 4.000.000đ (bốn triệu đồng) để tiếp tục tham gia đánh bạc; bị cáo Phạm Trung K1 sử dụng số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) để tham gia đánh bạc cùng các bị cáo khác, trong quá trình đánh bạc đã thắng bạc và đổi tiền tài khoản thành tiền mặt cho các bị cáo Nguyễn Bá T2 2.000.000đ (hai triệu đồng), Lý Văn T5 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng) và Nông Văn Đ 4.000.000đ (bốn triệu đồng). Các bị cáo Nguyễn Văn L, Nông Văn Đ, Phạm Trung K1 phải chịu mức hình phạt nhẹ hơn bị cáo Nguyễn Văn P nhưng cao hơn các bị cáo khác.

[7] Các bị cáo Lý Văn T5, Nguyễn Bá T2 tham gia số tiền đánh bạc ít hơn, trong đó bị cáo Lý Văn T5 tham gia đánh bạc với số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng), đổi tiền qua tài khoản với bị cáo Phạm Trung K1 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng) để tiếp tục đánh bạc; bị cáo Nguyễn Bá T2 tham gia đánh bạc với số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng), đổi tiền qua tài khoản với bị cáo Phạm Trung K1 2.000.000đ (hai triệu đồng) để tiếp tục đánh bạc nên các bị cáo Lý Văn T5, Nguyễn Bá T2 phải chịu mức hình phạt nhẹ hơn các bị cáo khác nhưng cao hơn bị cáo Vi Văn T4.

[8] Đối với bị cáo Vi Văn T4 là người tham gia số tiền đánh bạc ít nhất với số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng); do chỉ có 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nên ban đầu bị cáo chỉ ngồi sau lưng giữa bị cáo Phạm Trung K1 và bị cáo Nguyễn Văn L tham gia đánh ké cửa, sau khi đánh thắng được một số tiền bị cáo tham gia đánh bạc cùng các bị cáo khác, sau khi thua hết tiền bị cáo chỉ ngồi xem các bị cáo khác đánh bạc nên bị cáo chịu mức hình phạt nhẹ hơn tất cả các bị cáo khác.

[9] Để xem xét quyết định hình phạt, ngoài việc đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội thì cần phải xem xét đến nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để cá thể hóa hình phạt.

[10] Về nhân thân: Trước khi phạm tội, các bị cáo Nguyễn Văn L, Phạm Trung K1, Nguyễn Bá T2, Vi Văn T4 chưa bị kết án, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật nên xác định đều là người có nhân thân tốt. Đối với bị cáo Nguyễn Văn P bị Toà án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 10 tháng tù treo, thời gian thử thách 20 tháng về tội Đánh bạc đã được xóa án tích; bị cáo Lý Văn T5 bị Công an huyện L ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 00024 ngày 09/01/2013 về hành vi vận chuyển hàng hóa Trung Quốc nhập lậu, phạt tiền 750.000đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng), đã chấp hành xong và được xóa tiền sự; bị cáo Nông Văn Đ đã bị Đội Quản lý thị trường số A1 (Lạng Sơn) ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính ngày 10/12/2013 về hành vi vận chuyển gia cầm nhập lậu, phạt tiền 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng), đã chấp hành xong và được xóa tiền sự.

[11] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn P có 01 tiền án, bị Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xử phạt 03 năm 03 tháng tù về tội Buôn lậu tại Bản án số 82/2021/HS-ST ngày 30/12/2021, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/8/2024 nhưng chưa được xoá án tích. Đến ngày 12/05/2026 bị cáo lại tiếp tục phạm tội Đánh bạc nên có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "tái phạm" theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Nguyễn Văn L, Nông Văn Đ, Phạm Trung K1, Lý Văn T5, Nguyễn Bá T2, Vi Văn T4 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[12] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Văn L, Nông Văn Đ, Phạm Trung K1, Lý Văn T5, Nguyễn Bá T2, Vi Văn T4 phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa tất cả các bị cáo Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn L, Nông Văn Đ, Phạm Trung K1, Lý Văn T5, Nguyễn Bá T2, Vi Văn T4 đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Phạm Trung K1 sau khi phạm tội đã đầu thú, chủ động nộp lại số tiền 6.900.000đ (sáu triệu chín trăm nghìn đồng) gồm số tiền bị cáo đổi tiền tài khoản thành tiền mặt cho các bị cáo Nguyễn Bá T2, Lý Văn T5 Nông Văn Đ dùng để đánh bạc và 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) bị cáo cầm theo trong quá trình bỏ chạy nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[13] Về hình phạt chính: Trên cơ sở xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xem xét quyết định mức hình phạt đối với từng bị cáo nhằm mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[14] Đối với bị cáo Nguyễn Văn P có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; có 01 tình tiết tăng

nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, có nhân thân xấu. Bị cáo đã bị Toà án xét xử về tội Đánh bạc, đã chấp hành xong hình phạt và được xoá án tích nhưng bị cáo không ăn năn hối cải, nhằm mục đích hám lợi bị cáo lại tiếp tục cố ý phạm tội. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bảo đảm mục đích giáo dục cũng như phòng ngừa tội phạm chung; đồng thời để bị cáo có thời gian sửa chữa sai lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội như ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[15] Đối với các bị cáo Nguyễn Văn L, Nông Văn Đ và Phạm Trung K1, Lý Văn T5, Nguyễn Bá T2 và Vi Văn T4: Tất cả các bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, bị cáo Phạm Trung K1 được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng. Hội đồng xét xử thấy rằng các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, trong thời gian các bị cáo được tại ngoại không có hành vi bỏ trốn hay tiếp tục vi phạm pháp luật, có nhân thân tốt nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà vẫn bảo đảm mục đích giáo dục cũng như phòng ngừa tội phạm chung.

[16] Về hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung đối với các bị cáo Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn L, Phạm Trung K1, Vi Văn T4, Lý Văn T5, Nông Văn Đ, Nguyễn Bá T2 mỗi bị cáo 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để sung Ngân sách Nhà nước.

[17] Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị V2 là mẹ của bị cáo Lý Văn T5 là người đưa số tiền 3.290.000đ (ba triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng) cho bị cáo Lý Văn T5 ngày 11/5/2026 để đi mua máy cắt cỏ; việc bị cáo Lý Văn T5 tham gia đánh bạc bà không biết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[18] Đối với người làm chứng chị Hoàng Thị T8, là chủ nhà mà các bị cáo đã sử dụng địa điểm thuộc quyền quản lý của mình để đánh bạc, do chị Hoàng Thị T8 không trực tiếp cho bị cáo Nguyễn Văn P thuê nhà và khi các bị cáo sử dụng căn phòng thuộc quản lý của chị Hoàng Thị T8 để đánh bạc, không có ai xin phép hoặc thông báo nên chị Hoàng Thị T8 không biết và không thu tiền để hưởng lợi từ việc đánh bạc. Do đó không đủ yếu tố cấu thành tội Tổ chức đánh bạc và G bạc, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý về hành vi này đối với chị Hoàng Thị T8 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[19] Đối với người làm chứng anh Hoàng Văn T9 là người thuê nhà với chị Hoàng Thị Thanh H4 bị cáo Nguyễn Văn P, không đến sinh sống tại nhà chị Hoàng Thị T8; anh Hoàng Văn T9 cũng không biết các bị cáo sử dụng căn phòng thuộc quản lý của chị Hoàng Thị T8 để đánh bạc và không thu tiền để hưởng lợi từ việc đánh bạc. Do đó không đủ yếu tố cấu thành tội Tổ chức đánh bạc và G bạc, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý về hành vi này đối với anh Hoàng Văn T9 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[20] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước số tiền xác định là tiền dùng vào việc đánh bạc: 16.920.000

đồng (mười sáu triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng) bao gồm tiền trên chiếu bạc 9.010.000đ (chín triệu không trăm mười nghìn đồng); số tiền 10.000đ (mười nghìn đồng) của Nguyễn Văn P; số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) của Nguyễn Bá T2; 6.900.000 đồng của Phạm Trung K1. Tịch thu hoá giá sung Ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro màu xám đen, số IMEI: 356681114955070, IMEI2: 356681115103241 có gắn 01 (một) thẻ sim vinaphone số: 0858.080.555, máy cũ đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Nguyễn Bá T2; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung Galaxy Buddy2 màu đen, số IMEI1:350501451439502/01, có gắn 01 (một) thẻ sim Viettel số: 0963.338.908 thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn L; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO RENO 15 F5G màu xanh nhật, số IMEI1: 863766080705892, IMEI2: 863766080705884 có gắn 02 (hai) thẻ sim viettel số: 0382.167.331 và số: 0374.453.247, máy cũ đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Lý Văn T5; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme UI màu xanh dương, số IMEI1: 860933070565834/83, IMEI2: 860933070565826/83 có gắn 01 (một) thẻ sim viettel số: 0366.650.886, máy cũ đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn P; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh tím, số IMEI1: 862251056187913, IMEI2: 862251056187905 có gắn 02 (hai) thẻ sim V3 số: 0963.515.861 và số: 0865.437.280, máy cũ đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Nông Văn Đ. Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chiếu nhựa màu xanh có hoa văn màu vàng, chiếu đã qua sử dụng có kích thước chiều rộng 1,6m, chiều dài 2m; 01 (một) bộ bài tú lơ khơ bao gồm 52 (năm mươi hai) quân bài màu xanh có hoa văn màu vàng, bộ bài đã qua sử dụng là công cụ, phương tiện phạm tội. Trả lại cho các bị cáo Nguyễn Văn P số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng), bị cáo Nguyễn Văn L số tiền 7.630.000đ (bẩy triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng), trả lại cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị V2 số tiền 3.290.000đ (ba triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng) do không liên quan đến hành vi phạm tội. Trả lại 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 14 màu xanh lá, số IMEII: 864129079286227/06, IMEI2: 864129079286235/06 có gắn thẻ sim Viettel số: 0965.390.032, máy cũ đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Vi Văn T4 do không liên quan đến hành vi phạm tội.

[21] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn L, Phạm Trung K1, Nguyễn Bá T2 bị kết án nên mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Nông Văn Đ, Lý Văn T5, Vi Văn T4 là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; tại phiên toà các bị cáo đề nghị được miễn án phí và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án

phí và lệ phí của Tòa án. Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[22] Từ những phân tích nêu trên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn truy tố các bị cáo Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn L, Nông Văn Đ, Phạm Trung K1, Lý Văn T5, Nguyễn Bá T2, Vi Văn T4 về tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội; nội dung luận tội và đề nghị về tội danh, áp dụng điều luật, mức hình phạt chính, hình phạt bổ sung, biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng, án phí của Kiểm sát viên tại phiên tòa và lời trình bày của bị cáo phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn P;

Căn cứ khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 50, Điều 65, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn L, Vi Văn T4, Lý Văn T5, Nông Văn Đ, Nguyễn Bá T2;

Căn cứ khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 50, Điều 65, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Trung K1;

Căn cứ điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, 332, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn L, Nông Văn Đ, Phạm Trung K1, Lý Văn T5, Nguyễn Bá T2, Vi Văn T4 phạm tội "Đánh bạc".

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 12 (mười hai) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/5/2026 đến ngày 08/6/2026.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 08 (tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 04/9/2026.

Xử phạt bị cáo Nông Văn Đ 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 08 (tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 04/9/2026.

Xử phạt bị cáo Phạm Trung K1 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 08 (tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 04/9/2026.

Xử phạt bị cáo Lý Văn T5 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 04/9/2026.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Bá T2 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 04/9/2026.

Xử phạt bị cáo Vi Văn T4 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 04/9/2026.

Hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung đối với các bị cáo Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn L, Nông Văn Đ, Phạm Trung K1, Lý Văn T5, Nguyễn Bá T2, Vi Văn T4 mỗi bị cáo 10.000.000đ (mười triệu đồng) để sung Ngân sách Nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước số tiền 16.920.000đ (mười sáu triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng) các bị cáo dùng để đánh bạc bao gồm tiền trên chiếu bạc 9.010.000đ (chín triệu không trăm mười nghìn đồng); số tiền 10.000đ (mười nghìn đồng) của bị cáo Nguyễn Văn P, số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) của bị cáo Nguyễn Bá T2; số tiền 6.900.000đ (sáu triệu chín trăm nghìn đồng) của bị cáo Phạm Trung K1 dùng để đánh bạc (số tiền trên đã được nộp vào số tài khoản 3949009110404000000 tại Ngân hàng K3 – Phòng giao dịch số 8 ngày 02/6/2026). Đối với số tiền 6.900.000đ (sáu triệu chín trăm nghìn đồng) của bị cáo Phạm Trung K1, xác nhận bị cáo Phạm Trung K1 đã nộp 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0000930, ngày 23/6/2026 tại Thi hành án dân sự Lạng Sơn và 2.400.000đ (hai triệu bốn trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0000044 ngày 06/7/2026 tại Thi hành án dân sự Lạng Sơn.

Tịch thu hoá giá sung Ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro màu xám đen, số IMEI: 356681114955070, IMEI2: 356681115103241 có gắn 01 (một) thẻ sim vinaphone số: 0858.080.555, máy cũ đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Nguyễn Bá T2; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung Galaxy Buddy2 màu đen, số IMEI1:350501451439502/01, có gắn 01 (một) thẻ sim Viettel số: 0963.338.908 thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn L; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO RENO 15 F5G màu xanh nhật, số IMEI1: 863766080705892, IMEI2: 863766080705884 có gắn 02 (hai) thẻ sim viettel số: 0382.167.331 và số: 0374.453.247, máy cũ đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Lý Văn T5; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme UI màu xanh dương, số IMEI1: 860933070565834/83, IMEI2: 860933070565826/83 có gắn 01 (một) thẻ sim viettel số: 0366.650.886, máy cũ đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn P; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh tím, số IMEI1: 862251056187913, IMEI2: 862251056187905 có gắn 02 (hai) thẻ sim V3 số: 0963.515.861 và số: 0865.437.280, máy cũ đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Nông Văn Đ.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chiếu nhựa màu xanh có hoa văn màu vàng, chiếu đã qua sử dụng có kích thước chiều rộng 1,6m, chiều dài 2m; 01 (một) bộ bài tú lơ khơ bao gồm 52 (năm mươi hai) quân bài màu xanh có hoa văn màu vàng, bộ bài đã qua sử dụng là công cụ dùng trực tiếp vào việc phạm tội và không còn giá trị sử dụng.

Trả lại cho các bị cáo Nguyễn Văn P số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng), trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn L số tiền 7.630.000đ (bảy triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng), trả lại cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị V2 số tiền 3.290.000đ (ba triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng) do không liên quan đến hành vi phạm tội. Trả lại cho bị cáo Vi Văn T4 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 14 màu xanh lá, số IMEII: 864129079286227/06, IMEI2: 864129079286235/06 có gắn thẻ sim Viettel số: 0965.390.032, máy cũ đã qua sử dụng do không liên quan đến hành vi phạm tội.

(Các vật chứng hiện đang được lưu giữ tại phân trại tạm giam khu vực L theo tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/5/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L và phân trại tạm giam khu vực L).

4. Án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn L, Phạm Trung K1, Nguyễn Bá T2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước; các bị cáo Nông Văn Đ, Lý Văn T5, Vi Văn T4 được miễn nộp án phí theo quy định của pháp luật.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười năm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- PC10 Công an tỉnh Lạng Sơn;
- PC 04 Công an tỉnh Lạng Sơn;
- PV 06 Công an tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 5 – Lạng Sơn;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn;
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Người làm chứng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; HCTP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Kim Thêu